TẠP CHÍ KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ ĐẠI HỌC DUY TÂN
DTU Journal of Science and Technology 5(48) (2021) 135-143
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
DUYTAN UNIVERSITY

Những nhân tố chủ quan ảnh hưởng đến năng lực thoát nghèo của hộ gia đình dân tộc Dao và dân tộc Khơ Mú tại Thanh Hoá

The subjective factors on capacity to escape poverty of the Dao and Khmu households in Thanh Hoa province

Nguyễn Thị Duyên[a*]
Nguyen Thi Duyen[a*]

[a]*Khoa Khoa học Xã hội, Trường Đại học Hồng Đức, Thanh Hoá, Việt Nam*
[a]*Faculty of Social Sciences, Hong Duc University, Thanh Hoa, Viet Nam*

(Ngày nhận bài: 20/5/2021, ngày phản biện xong: 11/7/2021, ngày chấp nhận đăng: 02/10/2021)

Tóm tắt

Nghiên cứu mô tả và phân tích tác động của những nhân tố chủ quan đến năng lực thoát nghèo của hộ gia đình dân tộc Dao và dân tộc Khơ Mú tại tỉnh Thanh Hoá. Những nhân tố chủ quan ảnh hưởng đến năng lực thoát nghèo của hộ dân tộc thiểu số ít người giới hạn ở 2 chiều cạnh: Đặc điểm nhân khẩu xã hội của hộ và những nhân tố thuộc về vốn vật chất để phát triển kinh tế của hộ. Ngoài ra, nghiên cứu cũng phân tích sự khác biệt về những nhân tố chủ quan ảnh hưởng đến năng lực thoát nghèo của dân tộc Dao và dân tộc Khơ Mú ở Thanh Hoá hiện nay.

Từ khoá: Dân tộc thiểu số ít người; hộ nghèo; năng lực thoát nghèo; Thanh Hoá.

Abstract

The research describes and analyzes the impact of the subjective factors on the capacity to escape poverty of households of the Dao and Khmu ethnic groups in Thanh Hoa province. Subjective factors affecting their ability to escape poverty of ethnic minority households have 2-dimensional limits: Social demographic characteristics of the household and factors of physical capital for the economic development of the household. In addition, the study also analyzes the differences in the subjective factors affecting the capacity to escape poverty of the Dao and the Khmu in Thanh Hoa nowaday.

Keywords: Ethnic minorities; poor households; capacity to escape poverty; Thanh Hoa

1. Đặt vấn đề

Năng lực thoát nghèo của hộ gia đình dân tộc thiểu số nói chung và dân tộc thiểu số ít người ở Thanh Hoá nói riêng chịu sự tác động của nhiều nhóm nhân tố khác nhau, ở những chiều cạnh và mức độ khác nhau. Bài viết phân tích những nhân tố chủ quan ảnh hưởng đến năng lực thoát nghèo của hộ gia đình dân tộc Dao và dân tộc Khơ Mú. Những nhân tố chủ quan là nhóm nhân tố bên trong của hộ, tác động trực tiếp và quyết định năng lực thoát nghèo bao gồm (tuổi, giới tính,học vấn, nghề nghiệp, kỹ năng kinh nghiệm, số lượng lao động trong hộ gia đình, các yếu tố thuộc về

[*]*Corresponding Author:* Nguyen Thi Duyen; Faculty of Social Sciences, Hong Duc University, Thanh Hoa, Viet Nam
Email: nguyenthiduyen@hdu.edu.vn

nguồn vốn vật chất của hộ…) Hiện nay, trên địa bàn miền núi tỉnh Thanh Hoá có 6 dân tộc thiểu số đang sinh sống (Thái, Mường, Thổ, Mông, Dao, Khơ Mú) và phân bố ở 11 huyện miền núi, tuy nhiên, nghiên cứu lựa chọn hai nhóm dân tộc thiểu số ít người cư trú ở vùng núi cao, với điều kiện phát triển kinh tế còn nhiều khó khăn của tỉnh Thanh Hoá, là dân tộc Dao và dân tộc Khơ Mú.

2. Phương pháp nghiên cứu

Số liệu sơ cấp được thu thập trực tiếp từ nông hộ và các cấp chính quyền. Phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên đại diện hộ gia đình của nhóm hộ nghèo và nhóm hộ thoát nghèo. Kết quả phân tích dựa trên số liệu khảo sát của đề tài được thực hiện trong đoạn 2018-2020 về *"Nghiên cứu những nhân tố ảnh hưởng đến năng lực thoát nghèo bền vững của hộ gia đình dân tộc thiểu số miền núi tỉnh Thanh Hoá hiện nay"*. Nghiên cứu tiến hành phỏng vấn bán cấu trúc 3400 đại diện hộ gia đình trong đó 400 đại diện hộ gia đình dân tộc Dao và dân tộc Khơ Mú trong đó (nam giới chiếm 80% và 20% nữ giới; hộ nghèo chiếm 55% và 45% hộ thoát nghèo; Nghề nghiệp có 75% làm ruộng, 1,5% trồng rừng, 0,5% buôn bán dịch vụ, 11% thủ công, chăn nuôi,12% công nhân làm thuê; Học vấn có 40,5% không đi học, 32,5% tiểu học, 20% trung học cơ sở, 6,5% trung học phổ thông, và 0,5% TC, CĐ, ĐH). Có 30 phỏng vấn sâu bổ sung thông tin cho các phân tích định lượng, (8 phỏng vấn dành cho cán bộ xã, thôn và 22 phỏng vấn người dân). Nội dung phỏng vấn xoay quanh những thuận lợi và khó khăn, những biện pháp cách thức mà các hộ gia đình đã thực hiện, những mong muốn và đề xuất… của hộ gia đình trong quá trình phát triển kinh tế để vươn lên thoát nghèo và thoát nghèo bền vững của hộ gia đình dân tộc Dao và dân tộc Khơ Mú.

Mô hình nghiên cứu những nhân tố chủ quan ảnh hưởng đến năng lực thoát nghèo của hộ gia đình dân tộc thiểu số ít người Dao, Khơ Mú ở Thanh Hoá được thiết lập như sau:

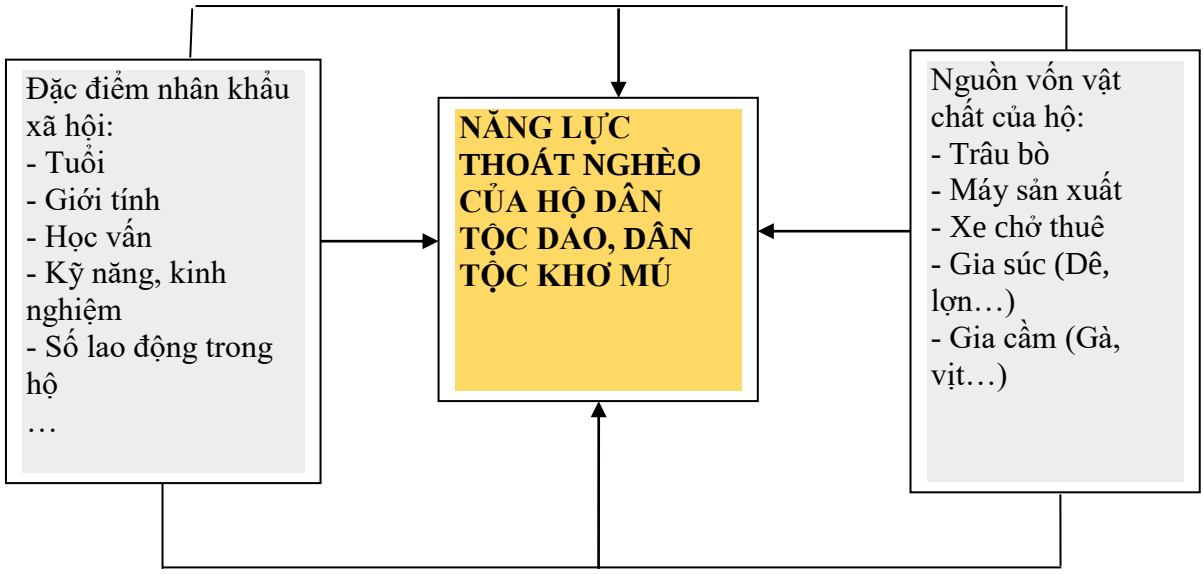

Biểu 1. Mô hình những nhân tố chủ quan ảnh hưởng đến năng lực thoát nghèo

Tác giả dùng phân tích hồi quy logistic để kiểm định mô hình này với phương trình được thiết lập như sau:

NĂNG LỰC THOÁT NGHÈO = β0 + β1TUỔI + β2GIỚI TÍNH + β3TRÌNH ĐỘ HỌC VẤN + β4KỸ NĂNG KINH NGHIỆM +

β5SỐ LAO ĐỘNG + β6TRÂU BÒ + β7MÁY SẢN XUẤT + β8XE CHỞ THUÊ + β9GIA SÚC GIA CẦM

Trong đó: Năng lực thoát nghèo là biến phụ thuộc đo lường khả năng thoát nghèo của hộ gia đình, biến này nhận giá trị là 1 nếu hộ gia đình có năng lực thoát nghèo tốt, và ngược lại sẽ nhận giá trị 0.

Bảng 1. Diễn giải các biến độc lập trong mô hình logistic

Tên biến	Đơn vị	Định nghĩa	Kỳ vọng
TUỔI	Năm	Năm sinh, sẽ nhận giá trị tương ứng với tuổi của đại diện hộ gia đình ở thời điểm khảo sát	+
GIỚI TÍNH	1/2	Nhận giá trị 1 là Nam giới, 2 là nữ giới	+/-
TRÌNH ĐỘ HỌC VẤN	Năm	Trình độ học vấn nhận giá trị tương ứng với số năm đi học của đại diện hộ gia đình ở thời điểm hiện tại	+
KỸ NĂNG KINH NGHIỆM	Năm	Kỹ năng kinh nghiệm nhận giá trị tương ứng với số năm trồng trọt hoặc chăn nuôi, hay kinh doanh buôn bán của đại diện hộ tính đến thời điểm hiện tại	+
SỐ LAO ĐỘNG	Tỷ lệ	Tỷ lệ lao động, nhận giá trị tỉ lệ lao động trực tiếp tham gia sản xuất, tổng số lao động của hộ	+
TRÂU BÒ	Con	Trâu bò, số lượng đầu con trâu bò của hộ gia đình ở thời điểm hiện tại	+
MÁY SẢN XUẤT	Cái	Tổng số máy sản xuất của hộ gia đình phục vụ cho trồng trọt, chăn nuôi ở thời điểm hiện tại	+
XE CHỞ THUÊ	Cái	Số lượng xe chở thuê của hộ tính đến thời điểm hiện tại	+
GIA SÚC, GIA CẦM	Con	Số lượng gia cầm: gà, vịt, ngan, ngỗng… của hộ ở thời điểm hiện tại	+

(Kết quả phân tích số liệu của đề tài thực hiện 2018-2020)

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Tác động của nhóm nhân tố về đặc điểm nhân khẩu xã hội

Đặc điểm nhân khẩu xã hội là thế mạnh của hộ, có tác động trực tiếp đến khả năng thoát nghèo của hộ dân, có ảnh trực tiếp đến việc phát huy năng lực thoát nghèo của hộ.

Bảng 2. Đặc điểm nhân khẩu xã hội của hộ dân tộc Dao và dân tộc KhơMú

Chỉ tiêu	Dân tộc	Đơn vị	Thấp nhất	Cao nhất	Trung bình	Độ lệch chuẩn
TUỔI	Dao	Năm	17	80	50,16	12,29
	KhơMú	Năm	15	85	49,3	11,36
TRÌNH ĐỘ HỌC VẤN	Dao	Năm	0	14	7,16	4,007
	Kho Mú	Năm	0	12	3,32	7,021
KỸ NĂNG KINH NGHIỆM	Dao	Năm	1	27	19,49	5,85
	Kho Mú	Năm	0	48	13,19	7,93
SỐ LAO ĐỘNG	Dao	Người	9	3	4,32	1,38
	Kho Mú	Người	17	5	2,19	0,93

(Nguồn: Phân tích số liệu khảo sát của đề tài 2018-2020)

Dựa vào kết quả khảo sát cho thấy, độ tuổi lao động của nông hộ người dân tộc Dao cao nhất là 80 và thấp nhất là 17, độ tuổi trung bình là 50,16. Còn nhóm hộ dân tộc Khơ Mú tuổi đời cao nhất là 85 thấp nhất là 15, độ tuổi trung bình là 49,3. Đa phần cả hai nhóm hộ dân tộc thiểu số ít người này có độ tuổi tham gia sản xuất ở độ tuổi trung niên giới hạn khoảng từ 35-50 tuổi.

Nông hộ có trình độ học vấn cao nhất là đại học (chỉ chiếm 0,5%), thấp nhất là mù chữ (chiếm 10,2%). Trình độ học vấn trung bình của các nông hộ dân tộc Dao đạt được ở trung học cơ sở (lớp 8 đến lớp 9), dân tộc Khơ Mú lớp 6 -7 và có sự khác biệt về trình độ học vấn giữa 2 nhóm dân tộc thiểu số này, trong mỗi nhóm dân tộc có sự chênh lệch đáng kể về trình độ học vấn giữa người không biết chữ và người có trình độ ở bậc trung cấp hay cao đẳng.

Kinh nghiệm sản xuất được tích lũy và kế thừa theo thời gian với số năm kinh nghiệm bình quân của hộ dân tộc Dao là 19 năm và dân tộc Khơ Mú là 13 năm. Về kinh nghiệm sản xuất cũng có sự khác biệt đáng kế giữa hai nhóm dân tộc này. Với kinh nghiệm, kỹ năng dày dặn và nhạy bén trong hoạt động sản xuất, hộ gia đình dân tộc Dao có nhiều tiềm lực phát huy tốt khả năng tiếp cận thị trường, lựa chọn mô hình sản xuất, dự đoán sâu bệnh, chăn nuôi gia súc gia cầm…

Bảng 3. Phân tích một số nhân tố thuộc về đặc điểm nhân khẩu ảnh hưởng đến năng lực thoát nghèo của hộ gia đình dân tộc Dao và dân tộc Khơ Mú

Biến số	**Mô hình logistic**		**Mô hình hồi qui đa biến**		
	Hệ số B	**Mức ý nghĩa**	**Hệ số B**	**Mức ý nghĩa**	**VIF**
Hằng số	-7,064	0,000	0,663	0,083	
Tuổi	0,031	0,086	0,007	0,218	1,264
Trình độ học vấn	0,131	0,002	0,038	0,000	1,326
Kỹ năng, kinh nghiệm	0,052	0,072	0,009	0,362	1,213
Số lao động	0,282	0,024	0,099	0,011	1,260
Số quan sát (N): 400			Số quan sát (N) : 400		
Mức ý nghĩa (Sig.) : 0,002			Mức ý nghĩa (Sig.): 0,009		
-2 Log likelihood : 198,564			Hệ số R^2 hiệu chỉnh : 0,237		
Tỷ lệ dự báo đúng : 92,200			Hệ số Durbin-Watson : 1,026		

(Nguồn: Phân tích số liệu khảo sát của đề tài 2018-2020)

Nhằm xác định các nhân tố thuộc về nhân khẩu xã hội ảnh hưởng đến năng lực thoát nghèo của hộ gia đình dân tộc Dao và dân tộc Khơ Mú, tác giả sử dụng mô hình kiểm định hồi qui logistic và mô hình hồi quy đa biến. Kết quả phân tích hồi quy logistic cho thấy giá trị Sig = 0,002 với mức ý nghĩa 99%, tỷ lệ dự báo đúng mô hình là 92%. Như vậy có thể kết luận những biến độc lập có tác động đến năng lực thoát nghèo của nông hộ. Mặt khác kết quả phân tích hồi quy đa biến cho thấy Sig = 0,009 với mức ý nghĩa 99%, giá trị VIF đều nhỏ hơn 10, hệ số hiệu chỉnh R2 = 23,7% khẳng định các biến độc lập giải thích được năng lực thoát nghèo của nông hộ.

Trình độ học vấn của đại diện hộ gia đình ở kiểm định hồi quy logistic và kiểm định hồi qui đa biến đều có ý nghĩa là mức 1% cùng với hệ số β lần lượt là 0,321 và 0,038. Kết luận: trình độ học vấn có tác động cùng chiều với năng lực thoát nghèo của hộ gia đình dân tộc Dao và dân tộc Khơ Mú. Người lao động có trình độ học

vấn càng cao thì năng lực thoát nghèo và thoát nghèo bền vững càng tốt. Trình độ học vấn cao sẽ giúp nông hộ hoạch định chiến lược phát triển kinh tế và quản lý tài chính, tiếp thu và học hỏi những kỹ năng kinh nghiệm, học hỏi và ứng dụng những thành tựu của khoa học kỹ thuật mới vào sản xuất.

Kiểm định hồi quy logistic biến tuổi và kỹ năng kinh nghiệm sản xuất của nông hộ có mức ý nghĩa là 0,052 và 0,031 < 0,05. Từ đó cho thấy, kinh nghiệm và tuổi tác của người lao động có tác động đến năng lực thoát nghèo của hộ. Người lao động có tuổi đời càng cao thì càng có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất, tuy nhiên, những lao động trẻ lại có nhiều cơ hội và nhanh nhạy hơn trong học hỏi những kỹ năng kinh nghiệm mới, áp dụng những thành tựu khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

Phân tích số lao động của hộ có ảnh hưởng đến năng lực thoát nghèo, kiểm định hồi quy logistic và kiểm định hồi qui đa biến cho mức ý nghĩa lần lượt là 0,024 và 0,011 < 0,05. Từ đó có thể giải thích năng lực thoát nghèo của hộ có liên quan đến số lao động của hộ. Một số nhóm hộ dân tộc thiểu số ít người nghèo vì không có lao động làm việc, họ rơi vào nhóm gia đình có con nhỏ hay có người già cả phải chăm sóc, dẫn đến lao động chính trong gia đình không thể di cư đi làm những công việc phi nông nghiệp ngoài địa phương.

Bảng 4. Tương quan giữa học vấn với việc thiếu kỹ năng, kinh nghiệm dẫn đến nghèo của hộ gia đình dân tộc Dao và dân tộc Khơ Mú

Mức độ	Trình độ học vấn của chủ hộ					Tổng
	Không đi học	Tốt nghiệp tiểu học	Tốt nghiệp THCS	Tốt nghiệp THPT	Tốt nghiệp TC, CĐ, ĐH	
Hoàn toàn không đúng	-	46.4%	23.2%	28.2%	-	100.0%
Không đúng một phần	15.7%	24.1%	60.2%	-	-	100.0%
Đúng một phần	10.3%	48.6%	30.0%	13.1%	-	100.0%
Đúng	27.4%	39.5%	23.0%	9.8%	-	100.0%
Hoàn toàn đúng	8.0%	24.1%	39.0%	28.2%	.6%	100.0%

(Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài, 2018 - 2020)

Kiểm định Chi-Square cho giá trị Sig = 0.018 < 0.05 với mức ý nghĩa 95%, chứng tỏ nhận thức của người dân về nguyên nhân ảnh hưởng đến năng lực thoát nghèo và học vấn có mối tương quan. Kết quả này khẳng định vai trò của học vấn trong việc phát huy năng lực thoát nghèo của nông hộ. Nếu học vấn cao sẽ có nhiều thuận lợi hơn trong việc tiếp nhận thông tin, học hỏi những kỹ năng, kinh nghiệm, cách thức làm ăn mới để vươn lên thoát nghèo, và ngược lại, nếu học vấn thấp sẽ hạn chế rất nhiều trong việc học hỏi, tiếp nhận khoa học kỹ thuật, những cách làm mới để vươn lên thoát nghèo.

Bảng 5. Tương quan giữa yếu tố học vấn với năng lực lập kế hoạch phát triển kinh tế hộ và quản lý kinh tế của hộ dân tộc Dao và dân tộc Khơ Mú

Mức độ		Trình độ học vấn của chủ hộ			
	Không đi học	Tốt nghiệp tiểu học	Tốt nghiệp THCS	Tốt nghiệp THPT	Tốt nghiệp TC, CĐ, ĐH trở lên
Hoàn toàn không đúng	-	-	5.7%	4.6%	-
Không đúng một phần	3.9%	2.9%	2.8%	9.7%	-
Đúng một phần	5.5%	6.5%	13.8%	10.1%	-
Đúng	28.5%	26.5%	18.3%	20.8%	-
Hoàn toàn đúng	62.0%	64.0%	59.5%	54.8%	-
Tổng	100.0%	100.0%	100.0%	100.0%	-

(Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài, 2018 - 2020)

Kiểm định Chi-Square cho giá trị Sig = 0.011 < 0.05 với mức ý nghĩa 95% chứng tỏ học vấn của chủ hộ có tương quan với việc lập kế hoạch phát triển kinh tế hộ và quản lý kinh tế của hộ thoát nghèo.

Học vấn thấp là một trong những hạn chế lớn nhất của người dân để có thể chuyển đổi sang những công việc ổn định, có thu nhập cao. Vì yếu tố trình độ học vấn thấp sẽ kéo theo hàng loạt các yếu tố khác như không có trình độ tay nghề, kỹ năng cao, sẽ khó khăn hơn trong việc tiếp cận thị trường lao động việc làm hiện nay, cũng như sẽ khó khăn trong việc đi học nghề, đào tạo nghề mới…

Bảng 6. Kiểm định chi bình phương giữa biến dân tộc với việc tham gia các lớp tập huấn

Tập huấn kỹ thuật	**Dân tộc Dao**		**Dân tộc Khơ Mú**	
	Số hộ	**Tỷ lệ (%)**	**Số hộ**	**Tỷ lệ (%)**
Có tham gia	130	65	59	29.5
Không tham gia	70	35	141	70.5
Tổng	200	100,0	200	100,0
Giá trị kiểm định Chi bình phương = 44,929[a]				
Hệ số Sig = 0,002***				

(Nguồn: Phân tích số liệu khảo sát của đề tài 2018-2020)

Kiểm định chi bình phương cho giá trị Sig = 0,002<0.005 với mức ý nghĩa 99% chứng tỏ có sự khác biệt giữa hộ dân tộc Dao và dân tộc Khơ Mú trong việc tham gia các lớp tập huấn. Hộ dân tộc Dao có chí tiến thủ, cần cù chịu khó và năng động hơn rất nhiều so với hộ gia đình dân tộc Khơ Mú, nhất là nhóm dân tộc Dao ở Làng Phùng Sơn xã Phùng Giáo. Họ được xem là điểm sáng của cả huyện, tỉnh về công tác hiếu học.

Bản thân chủ hộ luôn ý thức rất cao và cho rằng đúng và hoàn toàn đúng trong việc chủ động học hỏi để nâng cao năng lực thoát nghèo cho hộ gia đình mình. Tuy nhiên, cơ cấu việc làm của người DTTS vẫn khá lạc hậu, phần lớn gắn với nông nghiệp và lâm nghiệp. Hầu hết người DTTS làm việc và họ chấp nhận công việc nặng nhọc, thu nhập thấp. Cũng vì vậy, tỷ lệ thất nghiệp của họ rất thấp so với tỷ lệ thất nghiệp chung của cả nước. Các nhóm dân tộc

có tỷ trọng làm việc trong nông nghiệp càng cao thì tỷ lệ thất nghiệp càng thấp, thậm chí không có người thất nghiệp.

3.2. Tác động của nhóm nhân tố thuộc về yếu tố vật chất

Nguồn vốn vật chất là điều kiện không thể thiếu được để nông hộ sử dụng trong quá trình sản xuất của nông hộ và sinh hoạt trong gia đình. Vốn vật chất của nông hộ dân tộc Dao và dân tộc Khơ Mú được kể đến ở 2 dạng: thứ nhất, là những tài sản có giá trị được nông hộ sử dụng trong sản xuất để tạo ra thu nhập cho hộ bao gồm: trâu bò, máy sản xuất (máy cày, máy xúc, máy tuốt...) xe để chở thuê..., thứ hai, là những tài sản có giá trị được dùng trong sinh hoạt hằng ngày như: điều kiện nhà ở, các vật dụng sinh hoạt trong gia đình (tivi, tủ lạnh, xe máy, giường tủ,….phương tiện liên lạc). Phân tích ảnh hưởng của yếu tố vật chất đến năng lực thoát nghèo của hộ dân tộc Dao và dân tộc Khơ Mú, tác giả giới hạn phân tích yếu tố vật chất ở dạng thứ nhất.

Bảng 7. Kiểm định ảnh hưởng của các yếu tố vật chất đến năng lực thoát nghèo của hộ dân tộc Dao và dân tộc Khơ Mú

Biến độc lập	Hệ số hồi quy chưa tiêu chuẩn hoá(B)	Hệ số hồi quy đã chuẩn hoá (Beta)	Giá trị t	Mức ý nghĩa (Sig.)	Nhân tố phóng đại phương sai (VIF)
Hằng số	-10.324,1		-3.35	.000	
Trâu/bò	.042	.039	.913	.018	1.013
Máy sản xuất(máy cày, máy tuốt, máy múc…)	.028	.037	.453	.032	1.067
Xe chở thuê	.058	.019	.317	.026	1.078
Gia súc khác (Dê, lợn,	-1.213	0.51	4.83	.022	1.021
Gia cầm (gà, vịt..)	-1.483	0.43	6.88	.232	1.035
Biến số phụ thuộc: Năng lực lập kế hoạch phát triển kinh tế và quản lý kinh tế hộ Dung lượng mẫu: 400 Giá trị F= 1.070 Giá trị Sig = 0.023 Giá trị R2 = 0.569 Giá trị R2 điều chỉnh =0.575 Giá trị Durbin Watson =1.239					

(Nguồn: Kết quả phân tích số liệu điều tra nghiên cứu đề tài 2018 -2020)

Phân tích ảnh hưởng của các nhân tố đến năng lực lập kế hoạch phát triển và quản lý kinh tế hộ của hộ được dựa trên kết quả phân tích hồi quy tuyến tính. Kiểm định hồi quy trên cho thấy, giá trị R2 hiệu chỉnh là 0.569 với Sig = 0,023. Kết quả trên cho thấy, các biến khác đều có ý nghĩa thống kê với mức từ 95% trở lên, có thể khẳng định, sự tác động của các yếu tố vật chất (trâu/bò, máy sản xuất, xe chở thuê, các loại gia súc) có ảnh hưởng đến năng lực thoát nghèo của hộ gia đình dân tộc Dao và dân tộc Khơ Mú.

Bảng 8. Đánh giá của hộ gia đình dân tộc Dao và dân tộc Khơ Mú về vai trò của vốn vật chất dùng trong sản xuất%

Nhóm tài sản	Rất quan trọng	Quan trọng	Bình thường	Không quan trọng	Tổng
Trâu/bò	80	19	1	0	100
Máy sản xuất(máy cày, máy tuốt, máy múc…)	50	45	5	0	100
Xe chở thuê	5	35	45	15	100
Gia súc khác (Dê, lợn,	5.2	25.8	22	2	100
Gia cầm (gà, vịt..)	0	0	55	45	100

(Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài, 2018 - 2020)

Nhóm tài sản được nông hộ đánh giá quan trọng và rất quan trọng bao gồm: trâu/bò (chiếm 99%), các loại máy sản xuất (95%); gia súc khác (31%). Điều này chứng tỏ, vai trò của vốn vật chất đối với việc thoát nghèo của hộ. Nguồn vốn vật chất không chỉ là công cụ, là yếu tố tác động đến khả năng phát triển kinh tế để nông hộ thoát nghèo, vươn lên làm giàu mà còn là những tài sản có giá trị trong gia đình của hộ gia đình.

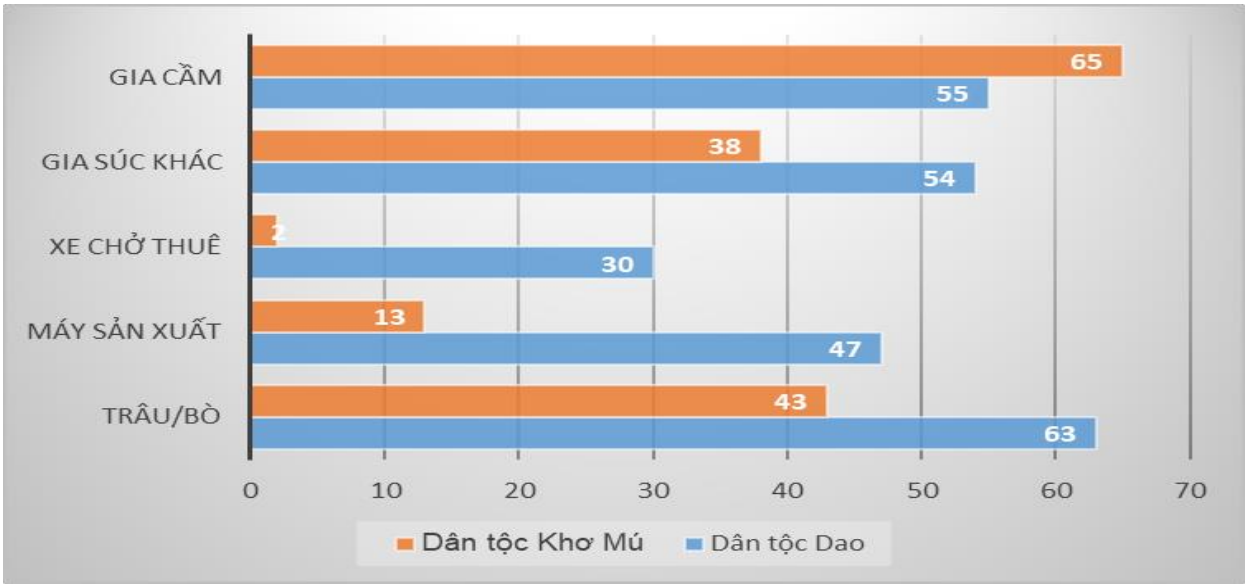

(Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài, 2018 - 2020)

Biểu 2. Vốn vật chất được dùng trong sản xuất của hộ dân tộc Dao và dân tộc Khơ Mú %

Kiểm định Chi-Square cho giá trị Sig = 0.011 < 0.05 với mức ý nghĩa 95%, hai biến này có mối tương quan. Kết quả này cho thấy sự khác biệt về tài sản được dùng trong sản xuất của nông hộ giữa dân tộc Dao và dân tộc Khơ Mú. Nguồn vốn vật dùng trong sản xuất của hộ gia đình dân tộc Dao tốt hơn so với hộ dân tộc Khơ Mú ở những nhóm vốn vật chất có giá trị như: trâu bò, máy sản xuất, xe chở thuê. Thực trạng này chứng minh khả năng thoát nghèo của nhóm các hộ dân tộc Khơ Mú gặp rất nhiều khó khăn, khi tài sản được dùng trong sản xuất còn hạn chế, nhất là nhóm những tài sản có giá trị như trâu, bò, máy sản xuất….

4. Kết luận

Kết quả nghiên cứu đã xác định được những nhân tố chủ quan ảnh hưởng đến năng lực thoát nghèo của hộ bao gồm nhóm những nhân tố thuộc về đặc điểm nhân khẩu xã hội (tuổi, giới tính, học vấn, kỹ năng kinh nghiệm, lao động…), và nhóm nhân tố thuộc về vốn vật

chất của hộ (trâu bò, máy sản xuất, xe chở thuê, gia súc, gia cầm…).

Đặc điểm nhân khẩu xã hội có tác động mạnh đến việc phát huy năng lực thoát nghèo của hộ gia đình dân tộc thiểu số, trong đó học vấn là đặc điểm có tác động mạnh mẽ nhất, số lao động tốt nghiệp từ trung học phổ thông trở lên chiếm một tỉ lệ khiêm tốn. Học vấn có vai trò quan trọng, đây là yếu tố cốt lõi, kéo theo hàng loạt các yếu tố khác như vấn đề nâng cao nhận thức, trang bị thêm những kiến thức kỹ năng, áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, tiếp cận thị trường lao động và tiêu thụ sản phẩm...

Vốn vật chất cũng là nhân tố ảnh hưởng đến việc phát huy năng lực thoát nghèo. Nhóm tài sản được nông hộ đánh giá quan trọng và rất quan trọng chiếm tỷ lệ cao. Điều này chứng tỏ vai trò của vốn vật chất đối với việc thoát nghèo của hộ, nguồn vốn vật chất không chỉ là công cụ, là yếu tố tác động đến khả năng phát triển kinh tế để nông hộ thoát nghèo…

Có sự khác biệt về những nhân tố chủ quan ảnh hưởng đến năng lực thoát nghèo giữa nhóm hộ dân tộc Dao và Khơ Mú. Hộ gia đình dân tộc Dao có năng lực chủ quan thoát nghèo tốt hơn nhóm hộ dân tộc Khơ Mú, thể hiện ở những chiều cạnh: học vấn và kỹ năng kinh nghiệm tốt hơn, các tài sản thuộc về nguồn vốn vật chất như: máy sản xuất, xe chở thuê…hộ dân tộc Dao chiếm tỷ lệ cao hơn, thực tế này giúp hộ gia đình dân tộc Dao năng động và nhạy bén hơn trong việc áp dụng các thành tựu khoa học vào sản xuất, làm cho việc thoát nghèo và thoát nghèo bền vững nhanh và ổn định.

Tài liệu tham khảo

[1] Đề án Ổn định sản xuất, đời sống và phát triển kinh tế - xã hội các bản dân tộc Dao huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa" giai đoạn 2016 -2020;

[2] Đề án Ổn định sản xuất, đời sống và phát triển kinh tế - xã hội các bản dân tộc Dao huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa" giai đoạn 2016 – 2020;

[3] Đề án Ổn định đời sống và phát triển kinh tế - xã hội dân tộc Dao, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020;

[4] Đề án Chính sách hỗ trợ giảm nghèo cho các xã có tỷ lệ hộ nghèo cao vùng miền núi, không nằm trong danh mục xã đặc biệt khó khăn (Chương trình 135) của tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2015 -2020;

[5] Nguyễn Thị Thu Hà, Nguyễn Việt Nga, Nguyễn Thanh Phương, Nguyễn Văn Thục (2015), Tổng quan về các nghiên cứu giảm nghèo ở Việt Nam, Viện khoa học Xã hội Việt Nam.

[6] Nguyễn Trọng Hoài (2005), Nghiên cứu ứng dụng các mô hình kinh tế lượng phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến nghèo đói và đề xuất giải pháp xóa đói giảm nghèo ở Đông Nam Bộ, đề tài Khoa học và Công nghệ cấp Bộ, Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.

[7] Nghị quyết số 09- NQ/TU của Ban chấp hành Đảng Bộ tỉnh về việc tăng cường sự lãnh đạo đối với công tác giảm nghèo nhanh và bền vững ở các huyện miền núi Thanh Hóa đến năm 2020.